LỰA CHỌN MÃ SỐ HÀNG HÓA SỬ DỤNG TRONG THỐNG KÊ KINH DOANH SẢN PHẨM DỊCH VỤ THỂ THAO, VĂN HOÁ VÀ GIẢI TRÍ Ở THỊ XÃ TỪ SƠN, BẮC NINH

Nguyễn Thu Hường*

Tóm tắt:

Bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy đề tài đã xác định lựa chọn mã số hàng hóa sử dụng trong thống kê kinh doanh sản phẩm dịch vụ thể thao, văn hoá và giải trí ở thị xã Từ Sơn – Bắc Ninh. Các mã số hàng hóa này để phục vụ việc thống kê tiêu dùng thể thao và các tổ chức cung cấp dịch vụ và hàng hóa thể thao.

Từ khóa: Mã số, hàng hóa, thống kê, kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ, văn hóa, thể thao, giải trí, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh...

Selection of commodity code used in Business Statistics of service products of Sports, Culture and entertainment in Tu Son Town, Bac Ninh province

Summary:

Through the common scientific research measures, the study has selected the commodity code used in the Business Statistics of the service products of Sports, Culture and entertainment in Tu Son Town, Bac Ninh province. The product codes serve the statistics of Sports consumption and organization providing Sports services and products.

Keywords: code, commodity, statistics, Business, products, service, Sports, Culture and entertainment, Tu Son Town, Bac Ninh province

ĐẶT VẤN ĐỀ

Dịch vụ văn hóa xã hội như là sản phẩm cơ bản của ngành TDTT. Dịch vụ văn hóa xã hội là loại hình dịch vụ nhằm đáp ứng những nhu cầu tinh thần và duy trì hoạt động đời sống hàng ngày của người sử dụng. Dịch vụ văn hóa xã hội đáp ứng việc duy trì và phục hồi sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho mỗi cá nhân, nâng cao trình độ nghề nghiệp... Phần lớn các loại hình dịch vụ của ngành TDTT đều thuộc là các dịch vụ văn hóa xã hội.

Ở Việt Nam, các chỉ tiêu thống kê về TDTT bao gồm một số nhóm chỉ tiêu như: Số vận động viên, trọng tài; Số huy chương trong các kỳ thi đấu quốc tế; Tỷ lệ người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên; Chi cho hoạt động sự nghiệp thể thao; Số cơ sở tập luyện và thi đấu thể thao; Số cán bộ ngành TDTT và vận động viên đẳng cấp cao. Mặc dù các nhóm chỉ tiêu trên tiếp tục được phân tổ nhỏ hơn, song điều đó vẫn chưa thể được coi là đầy đủ. Vì vậy, mỗi tổ chức TDTT cần thiết phải xây dựng được nhiều chi tiết về cơ sở dữ liệu của mình để phục vụ quá trình thu thập thông tin cho quá trình quản lý. Đặc biệt là các loại hình dịch vụ thể thao, văn hoá và giải trí. Vì vậy, lựa chọn được mã số hàng hóa dịch vụ thể thao, văn hoá và giải trí áp dụng ở mỗi địa phương là việc làm cần thiết.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn, toạ đàm; Phương pháp chuyên gia; Phương pháp toán kinh tế; Phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Để xác định các loại hình dịch vụ TDTT được tiêu dùng và kinh doanh, chúng tôi đã tiến hành xác định mã số hàng hóa sản phẩm dịch vụ thể thao, văn hoá và giải trí cho thị xã Từ Sơn – Bắc Ninh dựa trên tham khảo các tài liệu và các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công

*ThS, Phó Trưởng Khoa Sau đại học, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Thương. Kết quả bước đầu đã lựa chọn được mã số hàng hóa kinh doanh sản phẩm dịch vụ thể thao, văn hoá và giải trí trên địa bàn Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh. Kết quả được trình bày ở bảng 1.

Kết quả bảng 1 đã thống nhất mã số hàng hòa kinh doanh sản phẩm dịch vụ thể thao, văn hóa và giải trí ở thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, làm cơ sở cho các bước nghiên cứu tiếp theo của luận án.

Tiếp theo, chúng tôi đã xác định việc lựa chọn mã số hàng hóa thống kê kinh doanh sản phẩm dịch vụ thể thao, văn hoá và giải trí ở thị xã Từ Sơn thông qua phỏng vấn. Đối tượng phỏng vấn bao gồm 35 cán bộ quản lý, chuyên gia và giảng viên. Mức độ phỏng vấn của 6 câu (C1 – C6) theo 5 mức độ từ rất đồng ý đến rất không đồng ý. Ý nghĩa của từng giá trị trung bình đối với thang đo khoảng cách được tính theo thang đo Likert như sau:

1.00 - 1.80: rất không đồng ý.
1.81 - 2.60: không đồng ý.
2.61 - 3.40: không ý kiến.
3.41 - 4.20: đồng ý.
4.21 - 5.00: rất đồng ý.

Kết quả thống kê tần suất trả lời được trình bày tại bảng 2.

Bảng 1. Kết quả thống kê mã số hàng hóa kinh doanh sản phẩm dịch vụ thể thao, văn hoá và giải trí ở thị xã Từ Sơn – Bắc Ninh

Mã số	Sản phẩm	Câu
96	**DỊCH VỤ THỂ THAO, VĂN HÓA VÀ GIẢI TRÍ**	
96510	**Dịch vụ tổ chức và quảng cáo sự kiện thể thao và thể thao giải trí**: Tiểu nhóm này bao gồm: Dịch vụ xúc tiến cho thể thao, ví dụ: quyền anh; Dịch vụ tổ chức và quản lý các sự kiện thể thao của các câu lạc bộ thể thao.	C1
96520	**Dịch vụ kinh doanh các cơ sở thể thao và thể thao giải trí**: Tiểu nhóm này bao gồm: Dịch vụ tham gia vào các cơ sở thể thao và thể thao giải trí trong nhà và ngoài trời, ví dụ: sân vận động, đấu trường, sân băng, phòng…	C2
96590	**Dịch vụ thể thao và thể thao giải trí khác**: Tiểu nhóm này bao gồm: dịch vụ nhào lộn trên không, dịch vụ nhảy dù, dịch vụ môn thể thao bay lượn dùng chân, tay để điều khiển…	C3
96610	**Dịch vụ của các vận động viên**: Tiểu nhóm này bao gồm: dịch vụ do chính các vận động viên thể thao cung cấp…	C4
96620	**Dịch vụ hỗ trợ cho thể thao**: Tiểu nhóm này bao gồm: Dịch vụ cung cấp bởi trọng tài, người bấm giờ, huấn luyện viên và tương tự cung cấp; Dịch vụ do các tổ chức thể thao và câu lạc bộ cung cấp; Dịch vụ của người hướng dẫn viên…	C5
97230	**Dịch vụ chăm sóc sức khoẻ**: Tiểu nhóm này bao gồm: dịch vụ chăm sóc sức khỏe, ví dụ: tắm hơi, tắm nắng, tắm kiểu Thổ nhĩ kỳ, sauna, spa, phòng tập để có dáng hình thon thả, thể dục thể hình, xoa bóp (không bao gồm mát xa)…	C6

Bảng 2. Thống kê tần suất trả lời về lựa chọn mã số hàng hóa thống kê kinh doanh sản phẩm dịch vụ thể thao, văn hoá và giải trí ở thị xã Từ Sơn – Bắc Ninh (n=35)

TT	Phương án trả lời	Tần suất	Tỷ lệ (%)
1	Rất đồng ý	11	5.24
2	Đồng ý	52	24.76
3	Không ý kiến	86	40.95
4	Không đồng ý	53	25.24
5	Rất không đồng ý	8	3.81
	Tổng	**210**	**100**

Kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy: tần suất trả lời ở phương án "Rất đồng ý" là 11, chiếm 5.24%; phương án "Đồng ý" là 52, chiếm tỷ lệ 24.76%; phương án "Không ý kiến" là 86, chiếm tỷ lệ 40.95%. Như vậy, tổng ba phương án trả lời là 70.95%. Hay nói cách khác là đa số các ý kiến phỏng vấn đều lựa chọn 6 mã số hàng hóa thống kê kinh doanh sản phẩm dịch vụ thể thao, văn hoá và giải trí ở thị xã Từ Sơn mà đề tài bước đầu lựa chọn.

Để xác định cụ thể các phương án trả lời cho từng câu hỏi, đề tài đã thống kê số người trả lời ở từng câu hỏi theo các phương án trả lời. Đồng thời tính điểm theo thang đo Likert. Kết quả như được trình bày ở bảng 3.

Bảng 3. Kết quả tổng hợp tần suất trả lời lựa chọn mã số hàng hóa thống kê kinh doanh sản phẩm dịch vụ thể thao, văn hoá và giải trí ở thị xã Từ Sơn – Bắc Ninh (n=35)

TT	Câu		Rất đồng ý	Đồng ý	Không ý kiến	Không đồng ý	Rất không đồng ý	Điểm trung bình
1	C1	n	2	7	18	7	1	3.06
		%	5.71	20	51.43	20	2.86	
2	C2	n	0	12	11	11	1	2.97
		%	0	34.29	31.43	31.43	2.86	
3	C3	n	2	5	18	9	1	2.94
		%	5.71	14.29	51.43	25.71	2.86	
4	C4	n	2	8	14	9	2	2.97
		%	5.71	22.86	40	25.71	5.71	
5	C5	n	2	11	12	8	2	3.09
		%	5.71	31.43	34.29	22.86	5.71	
6	C6	n	3	9	13	9	1	3.11
		%	8.57	25.71	37.14	25.71	2.86	

Kết quả thu được ở bảng 3 thấy: tỷ lệ trả lời các câu hỏi ở các phương án ở các mức độ khác nhau. Khi tính điểm trung bình theo thang đo Likert thì cao nhất ở câu C6 đạt 3.11 điểm và thấp nhất ở câu C3 là 2.94 điểm. So sánh điểm trung bình của 6 câu theo thang đo Likert đều nằm trong khoảng từ 2.61 - 3.40 - mức "Không ý kiến". Như vậy, đa số các ý kiến phỏng vấn đều lựa chọn 6 mã số hàng hóa thống kê kinh doanh sản phẩm dịch vụ thể thao, văn hoá và giải trí ở thị xã Từ Sơn mà đề tài bước đầu lựa chọn.

Tiếp theo, đề tài đã sử dụng phương pháp tính hệ số tin cậy Cronbach's Alpha để loại các biến không phù hợp vì các biến rác này có thể tạo ra các yếu tố giả. Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha chỉ cho biết các đo lường có liên kết với nhau hay không, nhưng không cho biết biến quan sát nào cần bỏ đi và biến quan sát nào cần giữ lại. Khi đó, việc tính toán hệ số tương quan giữa biến - tổng sẽ giúp loại ra những biến quan sát nào không đóng góp nhiều cho sự mô tả của khái niệm cần đo về mã số hàng hóa thống kê kinh doanh sản phẩm dịch vụ thể thao, văn hoá và giải trí ở thị xã Từ Sơn.

Kết quả tính toán bằng phần mềm SPSS 16.0 được chúng tôi trình bày cụ thể tại bảng 4.

Bảng 4. Hệ số tương quan tổng và tương quan của các yếu tố thành phần với biến tổng

Reliability Statistics				
Cronbach's Alpha			N of Items	
0.772			6	
Item-Total Statistics				
	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C1	15.09	11.669	0.403	0.764
C2	15.17	10.029	0.711	0.689
C3	15.2	11.694	0.398	0.765
C4	15.17	10.617	0.506	0.741
C5	15.06	10.467	0.511	0.74







Các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bằng tập luyện TDTT đang được phát triển rộng khắp trên cả nước nói chung và trên địa bàn thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh nói riêng (Ảnh minh họa)

Từ kết quả tính toán thu được cho thấy: Cronbach's Alpha của thang đo là 0.772, các hệ số tương quan biến tổng của các biến từ C1 đến C6 đều lớn hơn 0.400 và nằm trong khoảng từ 0.689 đến 0.765; Cronbach's Alpha if Item Deleted của các biến C1 đến C6 đều nhỏ hơn 0.772. Kết quả cho thấy: Không có trường hợp loại bỏ biến quan sát nào có thể làm cho Cronbach's Alpha của thang đo này lớn hơn 0.772. Vì vậy, tất cả các biến quan sát đều được chấp nhận và cho thấy độ tin cậy nhất quán nội tại cao của các ý kiến trả lời về lựa chọn mã số hàng hóa thống kê kinh doanh sản phẩm dịch vụ thể thao, văn hoá và giải trí ở thị xã Từ Sơn.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã lựa chọn được 06 mã số hàng hóa sử dụng trong thống kê kinh doanh sản phẩm dịch vụ thể thao, văn hoá và giải trí ở thị xã Từ Sơn – Bắc Ninh. Cụ thể gồm:

96510 - Dịch vụ tổ chức và quảng cáo sự kiện thể thao và thể thao giải trí.

96520 - Dịch vụ kinh doanh các cơ sở thể thao và thể thao giải trí.

96590 - Dịch vụ thể thao và thể thao giải trí khác.

96610 - Dịch vụ của các vận động viên.

96620 - Dịch vụ hỗ trợ cho thể thao.

97230 - Dịch vụ chăm sóc sức khoẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Đình Bẩm (2005), Một số vấn đề cơ bản về quản lý TDTT, Nxb TDTT, Hà Nội.

2. Dương Nghiệp Chí, Lâm Quang Thành, Phạm Ngọc Viễn, Tạ Xuân Lai (2007), *Tài sản TDTT kinh doanh và quản trị,* Nxb TDTT, Hà Nội.

3. Lương Kim Chung, Trần Hiếu, Dương Nghiệp Chí (2011), *Kinh tế học TDTT,* Nxb TDTT, Hà Nội.

4. Lương Kim Chung, Nguyễn Văn Tuấn (2014), *Giáo trình Marketing thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

5. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Ngọc Mộng (2005), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS,* Nxb Hồng Đức trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

6. Nguyễn Đức Văn (2000), *Phương pháp thống kê trong TDTT,* Nxb TDTT, Hà Nội.

Bài nộp ngày 16/11/2016, phản biện ngày 26/11/2016, duyệt in ngày 5/12/2016